

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DSPT

Ngày: 17/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLPT- DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2022/QĐ-PT ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (có mặt).

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1965 (có mặt).

HKTT: Thôn T, xã T, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức Thịnh, luật sư văn phòng luật sư Đức Thịnh, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Địa chỉ: Số 213, Nguyễn Trãi, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Vũ Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì có nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và Ông Vũ Văn Th quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2003 nên từ năm 2009 đến năm 2015 Bà L đã nhiều lần cho Ông Th vay tiền mặt, vàng, đô la Mỹ cụ thể như sau:

- Ngày 21/5/2009, vay 107.623.000đ, 02 cây 06 chỉ vàng 9999 và 400USD.
- Ngày 05/8/2009, vay 1000USD để Ông Th lo cho con trai đi nước ngoài.
- Ngày 21/8/2009, vay 3.500.000đ.
- Ngày 29/9/2009, vay 57.234.000đ; 06 cây 06 chỉ vàng và 400USD.
- Ngày 29/10/2009, vay 800.000đ.
- Ngày 23/12/2012, vay 5.000.000đ.
- Ngày 28/9/2014, vay 15.200.000đ.
- Ngày 29/10/2014, vay 20.000.000đ.
- Ngày 18/12/2014, vay 2.000.000đ và 01 chỉ vàng.
- Ngày 29/4/2015, vay 20.000.000đ.

Tổng số tiền mà Bà L cho Ông Th vay là 231.357.000đ; 09 cây 03 chỉ vàng 9999 và 1.800USD. Khi vay, Ông Th là người trực tiếp viết giấy vay nợ và ký xác nhận. Trong quá trình vay, để đảm bảo cho các khoản vay trên Ông Th đã thế chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có số, không có ngày tháng ghi trên giấy (đất ruộng nông nghiệp) mang tên hộ Ông Vũ Văn Th ở Thôn T, xã T, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh để làm tin. Do đến hạn trả nợ theo như các giấy biên nhận nợ mà Ông Th cam kết, bà đã nhiều lần yêu cầu Ông Th trả cho bà các khoản nợ trên nhưng Ông Th không trả. Do vậy, bà đã làm đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Lương Tài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nên ngày 15/5/2020 Ông Th đã trả lại cho bà 100.000.000đ và hứa sẽ trả lại nốt số nợ còn lại nên bà đã làm đơn rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng từ ngày 15/5/2020 đến nay, bà đã rất nhiều lần yêu cầu

Ông Th trả nốt số nợ trên nhưng Ông Th không trả nên bà tiếp tục có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Ông Th phải trả bà số nợ còn lại là 131.357.000đ; 09 cây 03 chỉ vàng 9999 và 1.800USD.

Bà L không yêu cầu Ông Th phải trả lãi suất nhưng khi bản án của Tòa án tuyên có hiệu lực pháp luật mà Ông Th không trả số tiền còn lại cho bà thì Ông Th phải chịu lãi phát sinh chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

Phía bị đơn là Ông Vũ Văn Th trình bày: Ông và Bà Nguyễn Thị L có quen biết nhau từ năm 2003 nên hai bên có tình cảm với nhau. Do kinh tế khó khăn nên ông đã nhiều lần vay trong giấy vay tiền ghi ngày 21/5/2009 như sau:

- Ngày 21/5/2009: vay 107.623.000đ.
- Ngày 05/8/2009 vay 1000USD.
- Ngày 21/8/2009 vay 3.500.000đ.
- Ngày 29/10/2009 vay 800.000đ.

Như vậy, tổng số khoản vay trên là 111.923.000đ và 1000USD. Khi vay hai bên đều không yêu cầu lãi suất và không ghi thời hạn trả. Sau đó, Bà L nhiều lần yêu cầu ông trả lại số tiền trên nhưng do chưa có tiền nên ông có đưa cho Bà L giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúa nông nghiệp mang tên hộ Ông Vũ Văn Th ở Thôn T, xã T, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Đối với giấy biên nhận các ngày 26/8/2012 vay 02 chỉ vàng 9999; ngày 13/12/2012 vay 5.000.000đ; ngày 29/12/2014 vay 20.000.000đ; ngày 18/12/2014 vay 01 chỉ vàng 9999 và 2.000.000đ; ngày 24/9/2015 vay 20.000.000đ, ông đã thanh toán xong cho Bà L nhưng hai bên có tình cảm với nhau nên không viết giấy tờ gì.

Sau khi Bà L gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết, ngày 15/5/2020, ông đã trả cho Bà L 100.000.000đ. Nay Bà L có đơn yêu cầu buộc ông phải trả tổng số tiền, vàng và đô la mỹ còn lại, ông không đồng ý. Vì ông chỉ còn nợ Bà L 11.923.000đ và 1000USD. Đối với khoản nợ này ông sẽ có trách nhiệm trả dần cho Bà L.

Ngoài ra bị đơn không có ý kiến nào khác.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 235; 264; 266 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Các Điều 117, 122, 130, 131, 132, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh ngoại hối số: 28/2005/PLUBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối số 28; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L:

Buộc Ông Vũ Văn Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Bà Nguyễn Thị L với tổng số tiền là: 156.999.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) và 93 (Chín mươi ba) chỉ vàng 9999.

Buộc Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại Ông Vũ Văn Th 01 giấy CNQSDĐ (đất lúa) mang tên hộ Ông Vũ Văn Th, diện tích sử dụng 2934m² trên giấy không ghi số, không có ngày tháng cấp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án sơ thẩm xử ngày 15/3/2022, Ông Vũ Văn Th có đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Bị đơn là Ông Vũ Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông và miễn án phí cho ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xin được hòa giải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Th.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Vũ Văn Th nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L và Ông Vũ Văn Th có quan hệ tình cảm từ năm 2003 nên từ năm 2009 đến năm 2015 Bà L có cho Ông Th vay một khoản tiền cùng với vàng và đô la Mỹ tổng cộng là 231.357.000đ; 09 cây 03 chỉ vàng 9999 và 1.800USD. Khi vay Ông Th có ký, xác nhận vào tất cả giấy biên nhận và có đưa cho Bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ông Vũ Văn Th để làm tin. Khi đến thời hạn trả nợ, Bà L đã nhiều lần yêu cầu Ông Th trả lại bà khoản tiền mà Ông Th đã vay của bà nhưng Ông Th đã không trả lại số tiền mà ông đã ký vào giấy biên nhận. Ông Vũ Văn Th có thừa nhận rằng ông vay tiền, vàng và đô la mỹ của Bà L nhưng ông cho rằng các giấy biên nhận Bà L cung cấp cho Tòa án là không đúng và ông chỉ thừa nhận ông có ghi giấy biên nhận và ký vào 05 giấy, cụ thể là: Ngày 26/8/2012; ngày 13/12/2012; ngày 29/12/2014; ngày 18/12/2014 và ngày 24/9/2015 với tổng số tiền là 111.923.000đ và 1000USD. Hiện tại ông đã trả được 100.000.000đ vì vậy ông chỉ có nghĩa vụ phải trả lại cho Bà L số tiền là 11.923.000đ và 1000USD. Tuy nhiên, đối với các giấy biên nhận khác Ông Th không có tài liệu nào chứng minh được đó không phải chữ ký của ông. Do vậy, Ông Th phải chịu trách nhiệm với các giấy vay tiền mà ông đã ký với Bà L. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà L là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Ông Vũ Văn Th:

Ông Th kháng cáo cho rằng số nợ ghi trong giấy biên nhận ngày 21/5/2009 và số nợ ghi trong giấy biên nhận vay nợ ngày 29/5/2009 là một nhưng Tòa án Lương Tài không chấp nhận. Căn cứ vào các giấy biên nhận mà Bà L cũng như Ông Vũ Văn Th cung cấp không có giấy biên nhận nào ghi ngày 29/5/2009 và cũng không có khoản vay nào vào ngày 29/5/2009. Do vậy, kháng cáo của ông không có căn cứ nên Tòa án không chấp nhận kháng cáo này.

Ngoài ra, Ông Vũ Văn Th còn kháng cáo cho rằng ông không là người khởi kiện nên không phải chịu án phí. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, trong vụ án này, toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị L được chấp nhận nên Ông Vũ Văn Th là người bị khởi kiện (bị đơn) phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, ông cũng kháng cáo về việc Tòa án huyện Lương Tài không xem xét việc Bà L tự ý sửa chữa và ghi thêm số nợ. Tại giấy biên nhận ngày 28/9/2014 với số tiền là 15.200.000 đồng, mặc dù có chữ ký của Ông Th nhưng bị tẩy xóa nhiều và viết nhiều loại mực khác nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận khoản vay đó vì vậy số tiền Ông Th đang nợ Bà L là 131.357.000đ; 09 cây 03 chỉ vàng 9999 và 1.800USD được trừ đi 15.200.000đ là còn 116.157.000đ; 09 cây 03 chỉ vàng 9999 và 1.800USD. Ngoài ra không còn giấy biên nhận nào mà Bà L và Ông Th cung cấp cho Tòa án bị sửa chữa và tẩy xóa nên bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà L đối với các giấy biên nhận này.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Ông Th kháng cáo bản án nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của Ông Th không có căn cứ chấp nhận nên cần bác toàn bộ kháng cáo của Ông Th.

Tuy nhiên, theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối thì cá nhân không có đăng ký kinh doanh về ngoại hối không được phép cho vay. Bà L cho Ông Th vay ngoại hối điều này là vi phạm quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra Tòa án phải tuyên giao dịch cho vay ngoại hối ngày 21/5/2009; ngày 08/5/2009; ngày 29/9/2009 là vô hiệu một phần. Bởi theo các giấy vay nợ này Bà L cho Ông Th vay cả tiền Việt Nam đồng; vàng và đô la. Do các giao dịch này vô hiệu một phần nên hai bên là Ông Th và Bà L hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm bác yêu cầu của Bà L đối với giấy vay nợ ngày 28/9/2014 nhưng khi tuyên không tuyên bác yêu cầu của Bà L đối với yêu cầu khởi

kiện này và không buộc Bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác là không đúng quy định do đó sửa bản án sơ thẩm xử.

[3.]. Về án phí: Tại phiên tòa hôm nay, Ông Vũ Văn Th có đơn đề nghị xin miễn giảm án phí do sức khỏe yếu, không có thu nhập. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần giảm cho Ông Th ½ án phí dân sự sơ thẩm.

Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên Ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 235; 264; 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 122, 130, 131, 132, 463, 466, 469 BLDS năm 2015; Pháp lệnh ngoại hối số: 28/2005/PLUBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối số: 28; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, sửa bản án sơ thẩm xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn cụ thể Giấy biên nhận ngày 21/5/1009 vay 400USD ; giấy biên nhận ngày 05/8/2009 vay 1000USD; giấy biên nhận ngày 29/9/2009 vay 400USD vô hiệu một phần.

2. Buộc Ông Vũ Văn Th phải có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là: 156.999.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) và 93 (Chín mươi ba) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu Ông Th trả số tiền 15.200.000đ theo giấy vay nợ ngày 28/9/2014.

4. Buộc Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại Ông Vũ Văn Th 01 giấy CNQSDĐ (đất lúa) mang tên hộ Ông Vũ Văn Th, diện tích sử dụng 2934m² trên giấy không ghi số, không có ngày tháng cấp.

5. Về án phí: Ông Vũ Văn Th phải chịu 15.128.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Ông Th đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007931 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Nguyễn Thị Lan phải chịu 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.000.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0001796, ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Bà Nguyễn Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 11.240.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Lương Tài;
- Chi cục THADS huyện Lương Tài;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Trường